

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **215/2026/DS - ST**

Ngày: 13/5/2026

V/v: *tranh chấp chia thừa kế
theo pháp luật.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phạm Ngọc Hà

2. Bà Trần Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Anh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “*Chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2026/QĐST-DS ngày 19/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/QĐST ngày 28/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1943

Địa chỉ: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Lại Văn S, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1966

Địa chỉ: 99/ÔD, tổ A, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 H, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1948.

Địa chỉ: 3 ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ)

Đại diện theo ủy quyền: Chị Đinh Thị Á, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm D, phường A, thị xã N, Sóc Trăng

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: 8, tổ C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: 98/DD, tổ A, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ

4. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966

Địa chỉ: 3 ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bà B, ông T, ông K cùng ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1987, địa chỉ: 1 H, phường K, thành phố Cần Thơ.

5. Những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M gồm:

- Bà Lê Thị M1, sinh năm 1966, ông Lê Văn B1, sinh năm 1969, ông Lê Bình E, sinh năm 1972, ông Lê Văn H1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, phường P, thành phố Cần Thơ

- Bà Lê Thị B2, sinh năm 1970

Địa chỉ: xã C, tỉnh Hậu Giang

- Bà Lê Bích T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: khu V, phường H, thành phố Cần Thơ

(những người thừa kế thế vị của bà M vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn X1 (Sinh), có đại diện – ông Nguyễn Văn R (vắng mặt)

Địa chỉ: C, tổ A, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là con của ông Nguyễn Văn M2 (sinh năm 1923 – chết 2014) và bà Lê Thị S1 (chết năm 1999), ông M2 và bà S1 có tất cả 06 người con gồm: Nguyễn Văn C (nguyên đơn), Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn C1 (bị đơn).

Khi còn sống, ông M2, bà S1 có tạo lập được phân tài sản là: thửa đất số 02, 05, 09, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ), ông M2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này. Sau khi ông M2, bà S1 chết thì bị đơn (Cấp) là người quản lý, sử dụng toàn bộ các thửa đất này và không đồng ý chia thừa kế cho các anh chị em. Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do ông M2, bà S1 để lại như đã nêu trên.

Phía nguyên đơn bổ sung tại bản tự khai: Ngoài 06 người con như đã nêu trên, ông M2 bà S1 còn có 01 người con nữa là Nguyễn Thị M, bà M chết trước năm 1990 (nguyên đơn không nhớ rõ năm bà M chết, tuy nhiên biết là bà M chết

trước cha mẹ) bà M có 06 người con, do vậy đề nghị đưa những người này vào tham gia tố tụng và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Xác định thông tin về nhân thân và tài sản của ông M2, bà S1 như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên phần đất này trước đây ông M2, bà S1 khi còn sống đã chia cho các con trai mỗi người một phần diện tích đất rồi nhưng chưa tách giấy, trong đó có chia cho nguyên đơn (Cặp) nhưng nguyên đơn không nhận đất nên ông M2 đã bán một phần đất cho ông X1 và cho nguyên đơn số tiền đó. Đối với diện tích đất hiện tại, hiện do bị đơn và ông T đang quản lý, sử dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì bị đơn cũng đồng ý chia theo quy định của pháp luật, tuy nhiên yêu cầu phải trừ đi phần đất đã bán cho ông X1, trừ đi diện tích mồ mả, đất đã đổi với ông T. Yêu cầu được ổn định diện tích đất đang quản lý sử dụng và giao trả giá trị cho nguyên đơn cũng như các đồng thừa kế khác theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2025, phía bị đơn bổ sung ý kiến: Đối với diện tích đất tại thửa số 02, tờ bản đồ số 04, yêu cầu trừ đi phần đất đã bán cho ông X1, phần còn lại của thửa số 02 là đất hương hỏa của gia đình ông thờ cúng ông bà, giữ gìn từ xưa đến nay nên không đồng ý phân chia thửa đất này. Đối với thửa đất số 05 thì khi còn sống cha ông (ông M2) có mượn ông một phần đất là 1.900m² đất CLN để bán nhưng chưa trả cho ông, do vậy nay ông yêu cầu trả cho ông 1.900m² từ di sản do ông M2 để lại. Sau khi trừ đi các phần diện tích trên, diện tích còn lại ông đồng ý chia làm 06 phần cho các đồng thừa kế.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà X, ông K, ông T:

Thống nhất về quan hệ nhân thân, tài sản như nguyên đơn trình bày, thống nhất chia thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhân kỷ phần thừa kế khi được phân chia.

Ông Nguyễn Văn T trình bày thêm tại biên bản hòa giải công khai chứng cứ ngày 23/4/2024: Ông hiện đang sử dụng một phần diện tích trên phần đất của ông M2 để lại nêu trên, trên đất có căn nhà của ông và 01 căn nhà của con gái ông là Nguyễn Thị Kim O. Ông yêu cầu phải trừ đi diện tích 1.280m² khi phân chia thừa kế vì diện tích này trước đây ông đã mua của ông Nguyễn Văn K. Đối với phần đất đang quản lý sử dụng, ông yêu cầu được công nhận sử dụng ổn định.

Tại phiên tòa:

Phía bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về việc phân chia thừa kế do ông M2 bà S1 để lại. Nguyên đơn thống nhất toàn bộ diện tích, hiện trạng các thửa đất như Hội đồng đo đạc đã ghi nhận và thể hiện tại bản trích đo có tại hồ sơ. Đại diện phía nguyên đơn đề nghị được phân chia di sản thừa kế như sau: Đối với diện tích đất tại thửa số 02, đồng ý trừ đi phần diện tích trước đây ông M2 đã bán cho ông X1 (168,9m² tại vị trí A của trích đo), đồng ý trừ đi 200m² thổ cư để công nhận toàn bộ phần này cho phía bị đơn (ông C1) vì ông C1 hiện đang có nhà ở tại đây và là người thờ cúng ông bà, đồng ý trừ đi 12,56m² diện tích nhà mồ được ghi nhận tại biên bản đo đạc ngày 03/12/2024. Sau khi trừ các diện tích trên, diện tích còn lại

của thửa số 02 và các thửa đất còn lại quy đổi thành giá trị và chia đều cho 07 kỳ phần thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cần Thơ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tài liệu chứng cứ thể hiện được tài sản mà các đương sự yêu cầu chia thừa kế là tài sản do ông M2, bà S1 để lại, các đương sự khai nhận thống nhất có 07 người thừa kế hàng thứ nhất của ông M2, bà S1, vì vậy tài sản do ông M2 bà S1 để lại được chia đều thành 07 phần theo quy định của pháp luật. Nay tại phiên tòa, việc nguyên đơn tự nguyện cản trừ diện tích đất đã bán cho ông X1, đất nhà mồ và diện tích đất thổ cư và nhận giá trị khi phân chia là hợp lý, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn – ông C1, ông T, ông K, bà B cùng ủy quyền cho chị Q (con của ông C1) tham gia tố tụng. Chị Q và những người liên quan còn lại là bà X, chị Á có thể hiện ý kiến tại bản tự khai, tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ. Nhưng sau đó không đến tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập, đây là trường hợp đương sự cố tình vắng mặt nên có căn cứ để đưa ra giải quyết vắng mặt các đương sự này theo quy tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M, Tòa án cũng gửi thông báo theo địa chỉ phía nguyên đơn cung cấp, theo đó có bà Lê Thị M1 (là một trong những người thừa kế thế vị của bà M) ký nhận nhưng cũng không đến Tòa theo triệu tập. Nay căn cứ các thủ tục tố tụng đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về “*Chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật*” giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự, luật đất đai điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Cần Thơ theo quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về di sản thừa kế và thời hiệu chia thừa kế: Các đương sự trong vụ án cùng thống nhất xác định thửa đất số 02, số 05, 09 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ là tài sản của ông Nguyễn Văn M2 và bà Lê Thị S1 chết để lại. Ông M2, bà S1 chết không để lại di chúc, tài sản chưa được phân chia cho ai. Năm 2024 các đương sự khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về hàng thừa kế:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất khai nhận ông M2, bà S1 có 07 người con gồm: ⁽¹⁾ Nguyễn Thị M ⁽²⁾ông Nguyễn Văn C, ⁽³⁾bà Nguyễn Thị X; ⁽⁴⁾bà

Nguyễn Thị B, ⁽⁵⁾ông Nguyễn Văn T, ⁽⁶⁾ông Nguyễn Văn K, ⁽⁷⁾ông Nguyễn Văn C1.

Theo sự khai nhận và cung cấp thông tin của nguyên đơn thì bà Nguyễn Thị M chết khoảng vào năm 1984 (chết trước người để lại di sản), vì vậy những người con của bà M gồm: Lê Thị M1, Lê Văn B1, Lê Bình E, Lê Văn H1, Lê Thị B2, Lê Bích T1 được xác định là người thừa kế thế vị của bà M theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Những người thừa kế thế vị nêu trên cùng được hưởng 01 kỷ phần mà bà M được hưởng khi phân chia.

[3.3] Về tài sản thừa kế:

Ngày 09/10/1993 ông Nguyễn Văn M2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa: số 02, số 5 và số 09, diện tích theo giấy chứng nhận là 7.595m², đất tọa lạc tại Khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Năm 2004, 2005 ông M2 chuyển nhượng cho ông Lý Văn Q1 522,1m², cho ông Phan Quốc K1 593,9m². Sau đó được cấp lại giấy mới ngày 20/4/2005, diện tích còn lại theo giấy là 6.255,6m². Toàn bộ 03 thửa đất này sau khi ông M2 chết thì do bị đơn (ông Nguyễn Văn C1) quản lý sử dụng cho đến nay.

Theo đo đạc thực tế, tổng diện tích 03 thửa đất này hiện là 3.870,4m² (thửa số 02: 1.203,4m², thửa số 09: 1575,5m² và thửa số 05: 1091,3m²), diện tích thực tế còn lại nhỏ hơn so với diện tích trong giấy chứng nhận của ông M2 được cấp. Tuy nhiên các đương sự thống nhất với diện tích thực tế này vì đã thể hiện đúng vị trí, ranh mốc thực tế, đúng diện tích mà phía bị đơn – ông C1 (người thừa kế của ông M2) quản lý sử dụng từ trước đến nay. Do vậy, diện tích thực tế đã đo đạc được, thể hiện tại bản trích đo là diện tích dùng để phân chia thừa kế cho những người hàng thừa kế thứ nhất của ông M2, bà S1 theo quy định của pháp luật.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người liên quan (bao gồm ý kiến của ông Nguyễn Văn R (con ông X1)) yêu cầu được trừ ra phần diện tích 168,9m² thuộc thửa số 02 trước đây ông M2 đã bán cho ông X1 nhưng chưa tách giấy, được trừ đi 200m² đất ODT và diện tích nhà mồ (12,56m²) trước khi phân chia, vì theo bị đơn ông hiện là người thờ cúng, chăm lo mồ mã ông bà. Các ý kiến này của phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại phiên tòa phía nguyên đơn đã thống nhất toàn bộ, do vậy có căn cứ để xem xét chấp nhận trừ ra các diện tích này trước khi phân chia thừa kế.

[3.5] Về cách thức phân chia: Di sản thừa kế do ông M2 để lại sẽ được phân chia thành 07 kỷ phần cho 07 người con, sau khi trừ đi giá trị các diện tích đất như đã nêu trên. Bị đơn – ông C1 là người đang quản lý, sử dụng các thửa đất này, nên tiếp tục giao cho ông C1 quản lý sử dụng và hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Giá trị hoàn trả căn cứ theo giá thị trường, được ghi nhận tại Chứng thư thẩm định giá do Công ty CP T2 đã thực hiện ngày 26/02/2026, cụ thể:

(1) Thửa số 02: có diện tích thực tế là 1.203,4m² - (168,9m² (bán cho ông X1), 200m² đất ODT và 12,56m² diện tích nhà mồ) = 821,94m² đất CLN x 3.001.000 đồng/m² = 2.466.641.940 đồng.

(2) Thửa số 09: có diện tích thực tế là 1575,5m² đất LUA x 470.000 đồng/m² = 740.485.000 đồng

(3) Thừa số 05: có diện tích thực tế $1091,3\text{m}^2$ đất CLN x $2.101.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 2.292.821.300$ đồng.

Tổng cộng giá trị (1) + (2) + (3) = $5.499.948.240$ đồng/7 kỷ phần, tương ứng mỗi kỷ phần sẽ được hưởng giá trị là $785.707.000$ đồng.

Như vậy, bị đơn - ông C1 có trách nhiệm hoàn lại cho các đồng thừa kế khác mỗi kỷ phần là $785.707.000$ đồng.

[4] Về các yêu cầu, ý kiến của bị đơn đã đề cập tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu về việc yêu cầu trừ đi diện tích 1.900m^2 đất tại thừa số 05, trước khi phân chia, do cho rằng khi còn sống ông M2 đã mượn đất của bị đơn để bán cho người khác nhưng chưa trả lại, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với ý kiến về việc chỉ đồng ý hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế theo giá nhà nước cũng không có cơ sở để xem xét vì như vậy là bất hợp lý, gây thiệt thòi cho các đồng thừa kế còn lại. Hơn nữa, việc ổn định cho bị đơn toàn bộ diện tích đất, có xem xét trừ đi những khoản hợp lý trước khi phân chia thừa kế, là đã có sự ưu tiên xem xét theo các yêu cầu của bị đơn đã đặt ra.

[5] Đối với phần đất đã bán cho ông X1 ($168,9\text{m}^2$ tại thừa số 02 - vị trí A của bản trích đo), thì ông Nguyễn Văn R là con của ông X1 có đến Tòa án trình bày là ông X1 đã chết và hiện ông là người đang quản lý sử dụng đất. Tuy nhiên, ông R không có đơn yêu cầu công nhận pháp lý của phần đất và sau đó vắng mặt không đến theo triệu tập. Vì vậy trong phạm vi vụ án tranh chấp về thừa kế này, diện tích đất đã bán cho ông X1 nêu trên được tách ra khỏi diện tích đất thừa kế do ông M2 để lại, nhưng Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề pháp lý về công nhận diện tích đất này cho ông X1 (hoặc người thừa kế của ông X1). Khi có tranh chấp, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn X1 được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Đối với những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M: Do các đương sự này không đến Tòa án để trình bày ý kiến, căn cứ theo cung cấp của nguyên đơn thì xác định hiện có 06 người thừa kế thế vị của bà M. Nếu có phát sinh thêm người thừa kế thế vị khác của bà M thì các đương sự tự phân chia trong phạm vi kỷ phần bà M được hưởng tại giai đoạn thi hành án, hoặc nếu có tranh chấp về hàng thừa kế của bà M thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[8] Đối với ý kiến và nhận xét của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp quan điểm, Hội đồng xét xử ghi nhận và không phân tích thêm.

[9] Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ đôi và lệ phí trích đo nhà nước (02 lần) là $13.000.000$ đồng, chi phí thẩm định giá thị trường là $30.000.000$ đồng. Tổng cộng là $43.000.000$ đồng. Chi phí này chia đều cho 07 kỷ phần thừa kế cùng phải chịu. Nguyên đơn là người đã nộp tạm ứng, do vậy 06 đồng thừa kế còn lại mỗi người phải trả cho nguyên đơn $6.143.000$ đồng.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu án phí trên giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng ($785.707.000$ đồng).

Nguyên đơn – Nguyễn Văn C có đơn xin miễn giảm án phí do là người trên 60 tuổi, vì vậy miễn án phí cho phía nguyên đơn. Các đương sự còn lại vắng mặt không có đơn xin miễn án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, Điều 227, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 612, 613, 650, 651, 652, Bộ luật dân sự 2015.

Điều 23, 26 Luật đất đai năm 2024.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn M2 và bà Lê Thị S1 để lại:

1.1. Công nhận cho ông Nguyễn Văn C1 được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất có diện tích: 1.0034,5m² tại thửa số 02 (trừ ra vị trí đánh ký hiệu A tại thửa này); 1091,3m² đất CLN tại thửa số 05 và 1575,5m² đất LUA tại thửa số 09, các thửa đất cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ.

1.2. Ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho 06 người thừa kế còn lại, mỗi người 785.707.000 đồng gồm: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn K và những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M (Lê Thị M1, Lê Văn B1, Lê Bình E, Lê Văn H1, Lê Thị B2, Lê Bích T1)

- Khi thực hiện xong việc giao trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người đồng thừa kế nêu trên, ông Nguyễn Văn C1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận.

2. Chi phí do đặc, thẩm định: Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn K và những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M (Lê Thị M1, Lê Văn B1, Lê Bình E, Lê Văn H1, Lê Thị B2, Lê Bích T1) mỗi kỷ phần phải trả cho nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C 6.143.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm

- Miễn án phí cho nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn K mỗi người phải nộp: 35.428.000 đồng.

- Người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị M (Lê Thị M1, Lê Văn B1, Lê Bình E, Lê Văn H1, Lê Thị B2, Lê Bích T1) phải nộp: 35.428.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo bản án là các trích đo địa chính số 214, 215 do Văn Phòng đăng ký đất đai thành phố C lập cùng ngày 24/11/2025).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV2-CT;
- Phòng THADS KV2-CT
- TAND TPCT;
- VKSND TPCT;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ